TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2021/DS-ST
Ngày: 21/ 01/2021
" *V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Quang
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Xuân Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Thảo

***- Thư ký phiên Tòa*:** Ông Võ Nam Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 80/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2020, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn***: Bà Hồ Thị **B**, sinh năm 1970 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn Vân Sơn, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.
**** Bị đơn***: Ông Dương Bá **T**, sinh năm 1971 và bà Trần Ngọc Cẩm **H**, sinh năm 1974 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn Vân Sơn, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Thị B trình bày:*** Ông Dương Bá **T** là cháu gọi chồng của bà bằng chú họ còn bà Trần Ngọc Cẩm **H** là người có quan hệ tình cảm và sống cùng với ông **T**. Đầu tháng 02 năm 2020, ông **T** và bà **H** có đề nghị bà cho vay tiền để làm vốn mua bán mì lát nên bà có cho ông **T** và **H** vay số tiền 275.900.000đ, hai bên giao hẹn khi bán chuyến hàng mì lát xong ông **T**, bà **H** sẽ trả cho bà nhưng sau đó ông **T** và bà **H** không chịu trả nợ. Ngày 15 tháng 5 năm 2020 Dương lịch, ông **T** và bà **H** đã viết cho bà một giấy mượn tiền, giấy có nội dung bà **H** và ông **T** mượn của bà số tiền 275.900.000đ và hẹn trong vòng một tháng sẽ trả nợ, nhưng đến nay ông **T** và bà **H** vẫn không trả mặc dù bà đã đòi nhiều lần. Trong tháng 02/2020, bà còn cho ông **T** và bà **H**

mượn số tiền 123.000.000đ. Ngoài ra, bà còn yêu cầu ông **T** và bà **H** trả cho bà số tiền 7.200.000đ phát sinh từ một số giao dịch dân sự giữa bà và ông **T** bà **H**. Tổng cộng, ông **T** và bà **H** nợ bà số tiền là 406.100.000đ. Bà yêu cầu ông **T**, bà **H** phải trả số tiền gốc đã mượn là 406.100.000đ, bà không yêu cầu tính tiền lãi chậm trả. Tại phiên hòa giải ngày 28 tháng 8 năm 2020, bà rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông **T** và bà **H** trả số tiền 123.000.000đ. Tại biên bản ghi lời khai ngày 11 tháng 11 năm 2020, bà tiếp tục rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông **T**, bà **H** trả cho bà số tiền 7.200.000đ. Bà chỉ yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn giải quyết buộc ông **T** và bà **H** trả cho bà dứt điểm một lần số tiền vay gốc là 275.900.000đ thể hiện bằng giấy mượn tiền lập ngày 15 tháng 5 năm 2020 và 500.000đ tiền nợ trong thời gian sớm nhất và yêu cầu tính lãi trên tổng số tiền nợ gốc là 276.400.000đ theo quy định của pháp luật từ ngày 15 tháng 6 năm 2020 là thời điểm ông **T** và bà **H** vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Ngoài ra, bà không còn yêu cầu gì khác.

**** Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Dương Bá T, bà Trần Ngọc Cẩm H trình bày:*** Ông **T** và bà **H** thống nhất như lời trình bày của bà **B** về mối quan hệ. Ông **T** và bà **H** xác định đúng như bà **B** trình bày, hiện tại Ông **T** và bà **H** còn nợ bà **B** số tiền 275.900.000đ theo giấy mượn tiền ngày 15 tháng 5 năm 2020, ngoài ra Ông **T** và bà **H** còn thừa nhận có mượn của bà **B** 500.000đ chưa trả. Như vậy, ông **T** và bà **H** nợ bà **B** số tiền 276.400.000đ. Ông **T** và bà **H** sẽ trả nợ cho bà **B** đủ số tiền 276.400.000đ trong tháng 5 năm 2021, ông **T** và bà **H** đồng ý tính lãi với lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền nợ gốc 276.400.000đ, từ ngày 15 tháng 6 năm 2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Ngoài ra, ông **T** và bà **H** không có yêu cầu, ý kiến gì khác.

Ý kiến kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của vụ án từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xác định ông Dương Bá **T** và bà Trần Ngọc Cẩm **H** nợ bà Hồ Thị **B** số tiền 292.977.366đ (nợ gốc 276.400.000đ, nợ lãi 16.577.366đ). Bác yêu cầu của ông **T** và bà **H** trả nợ gốc và lãi vào tháng 5 năm 2021 do bà **B** không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

[2] Về nội dung vụ án: Hợp đồng vay tài sản là một giao dịch dân sự được xác lập theo sự tự nguyện thỏa thuận của các bên được pháp luật thừa nhận theo

quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Bà Hồ Thị **B** là người cho ông Dương Bá **T** và Trần Ngọc Cẩm **H** vay với số tiền vay 275.900.000đ được thể hiện qua "giấy mượn tiền" do ông **T**, bà **H** viết ngày 15 tháng 5 năm 2020, ông **T** bà **H** cùng ký vào giấy với tư cách là người mượn tiền. Bà **B** là người cung cấp chứng cứ "giấy mượn tiền", ông **T** và bà **H** thừa nhận là đúng. Ngoài ra, bà **B** có cho ông **T** bà **H** mượn 500.000đ, như vậy ông **T** bà **H** nợ bà **B** tổng số tiền 276.400.000đ. Ông **T** và bà **H** cùng xác định hiện tại ông **T** và bà **H** còn nợ bà **B** số tiền vay gốc 276.400.000đ là phù hợp với lời trình bày của bà **B**, là cơ sở pháp lý về sự thỏa thuận giữa các bên đương sự tại tòa.

[3] Tại phiên tòa, bà Hồ Thị **B** yêu cầu ông Dương Bá **T** và bà Trần Ngọc Cẩm **H** có nghĩa vụ liên đới trả đủ một lần số tiền nợ gốc 276.400.000đ và tiền lãi tính từ ngày 15 tháng 6 năm 2020 cho đến ngày giải quyết xong vụ án với lãi suất 0,83%/tháng phù hợp với Điều 288 Bộ luật dân sự quy định về thực hiện nghĩa vụ liên đới và Điều 280 Bộ luật dân sự quy định về thực hiện nghĩa vụ. Ông **T** và bà **H** xác định số tiền nợ gốc ông và bà nợ bà **B** là 276.400.000đ, ông **T** và bà **H** sẽ trả cho bà **B** đủ số tiền 276.400.000đ trong tháng 5 năm 2021, ông **T** và bà **H** đồng ý tính lãi với lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền nợ gốc 276.400.000đ, từ ngày 15 tháng 6 năm 2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án là phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Xét về phương thức trả nợ và tiền lãi suất vay: Các bên đương sự xác định tiền nợ gốc là 276.400.000đ, nhưng về thời gian trả nợ các bên không thỏa thuận, thống nhất được với nhau. Bà **B** yêu cầu trả toàn bộ nợ gốc trong thời gian sớm nhất, còn ông **T** và bà **H** thì xin được trả toàn bộ nợ gốc vào tháng 5 năm 2021 yêu cầu này không được bà **B** chấp nhận. Vì vậy, buộc ông Dương Bá **T** và bà Trần Ngọc Cẩm **H** phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ gốc 276.400.000đ và tiền lãi với mức lãi suất được tính 0,83%/tháng theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Thời gian tính tiền lãi từ ngày từ ngày 15 tháng 6 năm 2020 đến ngày xét xử ngày 21 tháng 01 năm 2021 là 217 ngày. Tiền lãi được tính như sau: 276.400.000đ x 0,83%/tháng x 217ngày/30 = 16.594.134đ làm tròn số = 16.594.000đ. Tổng cộng tiền vay gốc và tiền lãi là: 276.400.000đ + 16.594.000đ = 292.994.000đ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc ông **T** và bà **H** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 14.649.700đ (292.994.000đ x 5% = 14.649.700đ). Bà Hồ Thị **B** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả lại cho bà **B** tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.120.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001318 ngày 17/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 186, Điều 220, Điều 227, Điều 264, Điều 267 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 280, Điều 288 Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Xác định ông Dương Bá **T** và bà Trần Ngọc Cẩm **H** nợ bà Hồ Thị **B** số tiền 292.994.000đ (nợ gốc 276.400.000đ, nợ lãi 16.594.000đ) phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc ông Dương Bá **T** và bà Trần Ngọc Cẩm **H** phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Hồ Thị **B** số tiền 292.994.000đ (Hai trăm chín mươi hai triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng) khi bản án có hiệu lực thi hành.

Bác yêu cầu của ông Dương Bá **T** và bà Trần Ngọc Cẩm **H** xin thực hiện nghĩa vụ trả nợ vào tháng 5 năm 2021.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Dương Bá **T** và bà Trần Ngọc Cẩm **H** phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 14.649.700đ (Mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm đồng). Bà Hồ Thị **B** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả lại cho bà **B** tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.120.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001318 ngày 17/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn bà Hồ Thị **B**, bị đơn ông Dương Bá **T** và bà Trần Ngọc Cẩm **H** nếu không đồng ý một phần hoặc toàn bộ Bản án có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Định;*
- *VKSND TX. An Nhơn;*
- *Chi cục THA TX. An Nhơn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Quang